

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam

Ngày	23,600 VNĐ		
31/12/2025			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.9%	-4.1%	-0.1%

DT thuần	Q4/25
2,829	tỷ VNĐ
QoQ: ▼262 -8.5%	
YoY: ▼11.0 -0.4%	

LN thuần	Q4/25
37.6	tỷ VNĐ
QoQ: ▼55.2 -59.5%	
YoY: ▲ 39.8 1808%	

LN sau thuế	Q4/25
29.8	tỷ VNĐ
QoQ: ▼44.4 -59.8%	
YoY: ▲ 32.0 1449%	

Tỷ suất lãi EBIT	2025
1.8%	
YoY: +/-▼ 1.0%	

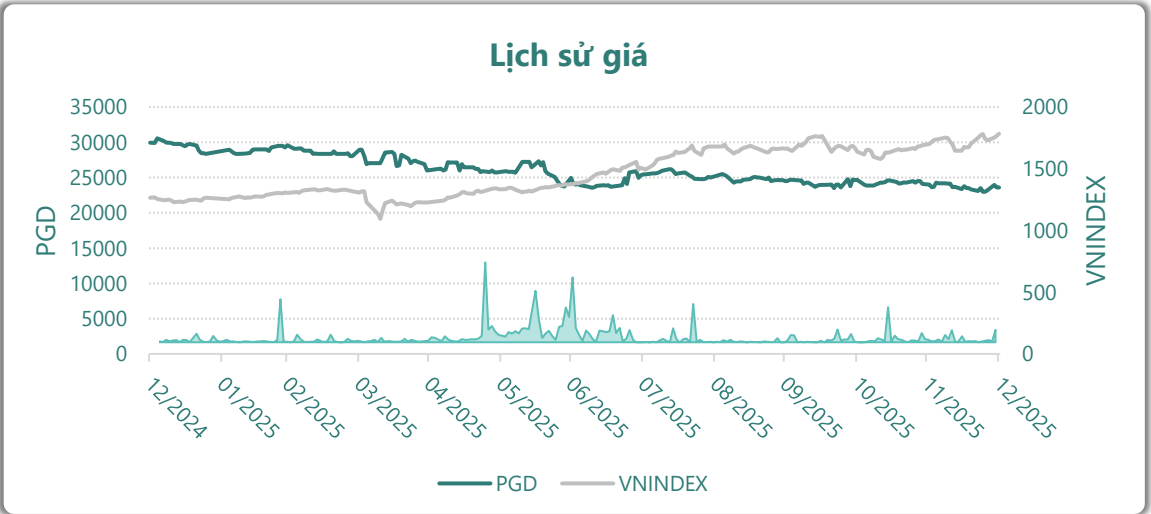
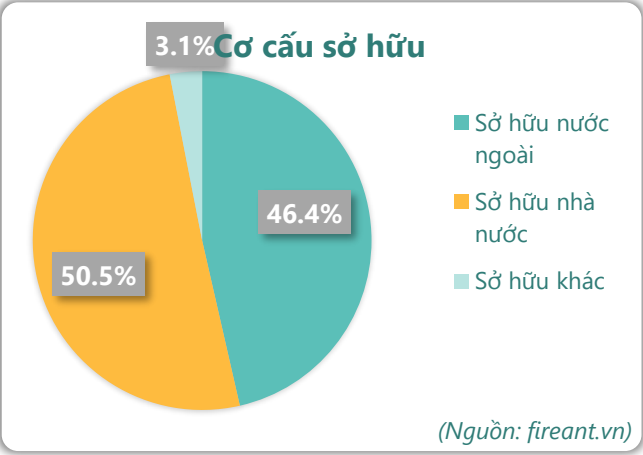
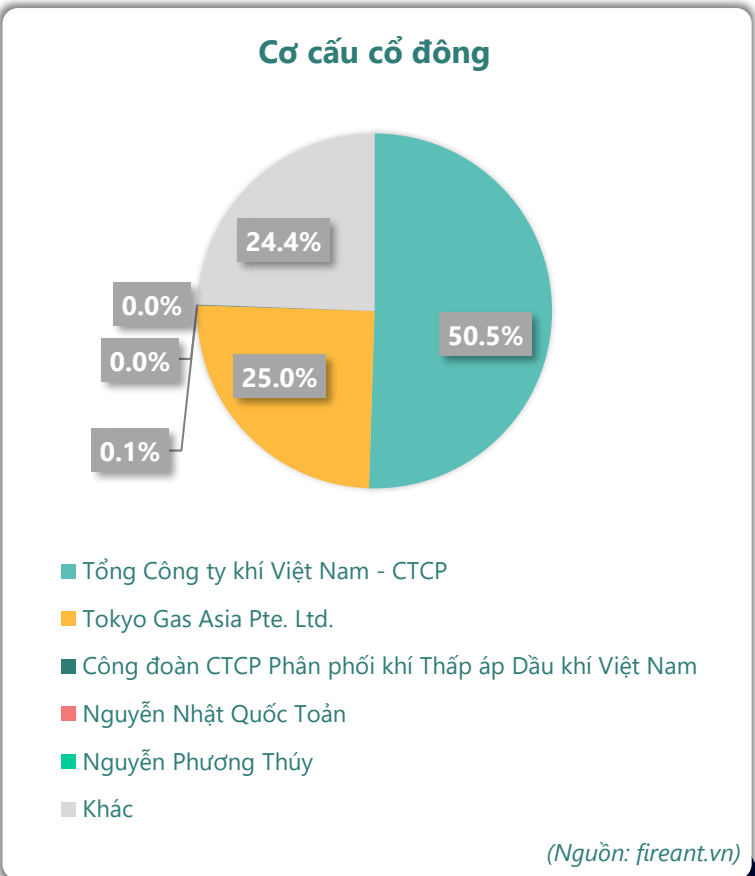
ROE	2025
11.4%	
YoY: +/-▼ 5.9%	

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	23,000 - 30,579
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,336
Số lượng CPLH (CP)	98,997,311
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,455
Sở hữu nước ngoài	46.4%
Beta	0.07
EPS	1,701
P/E	13.9

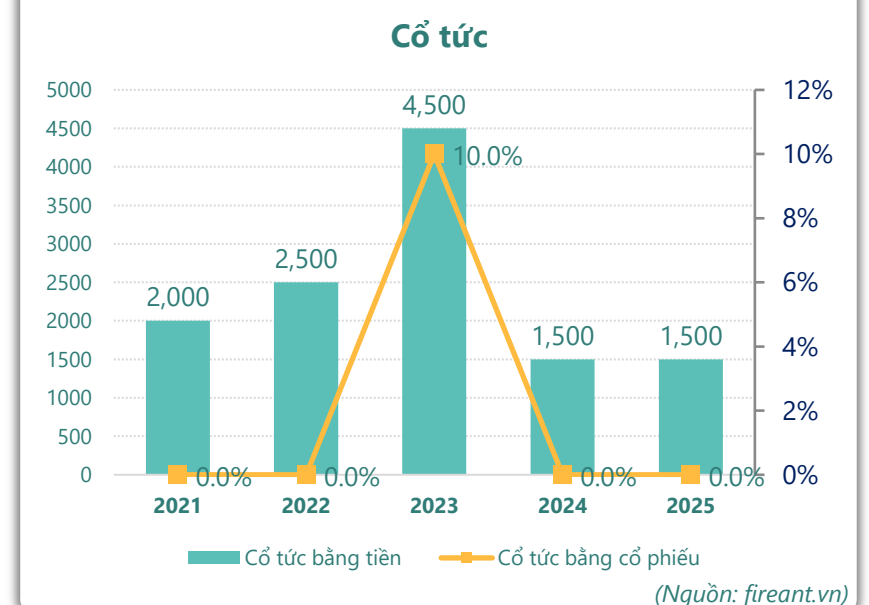
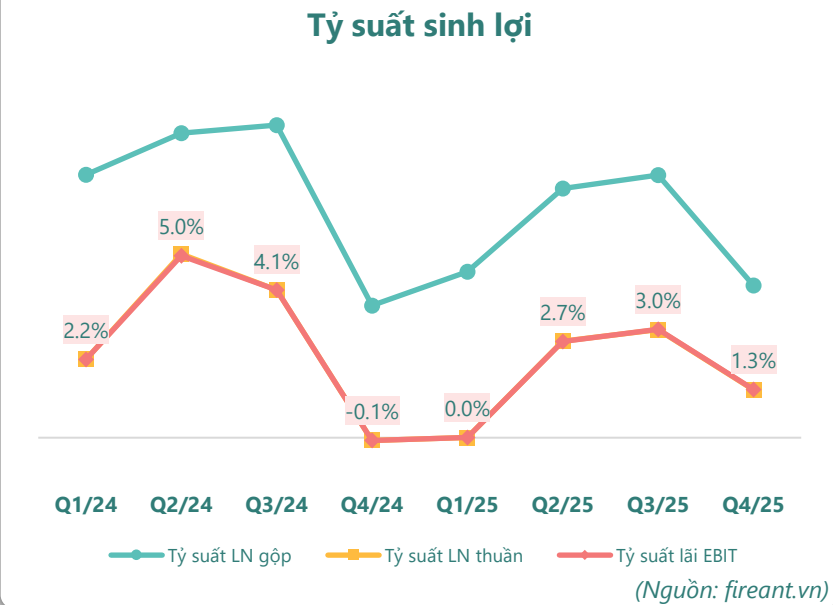
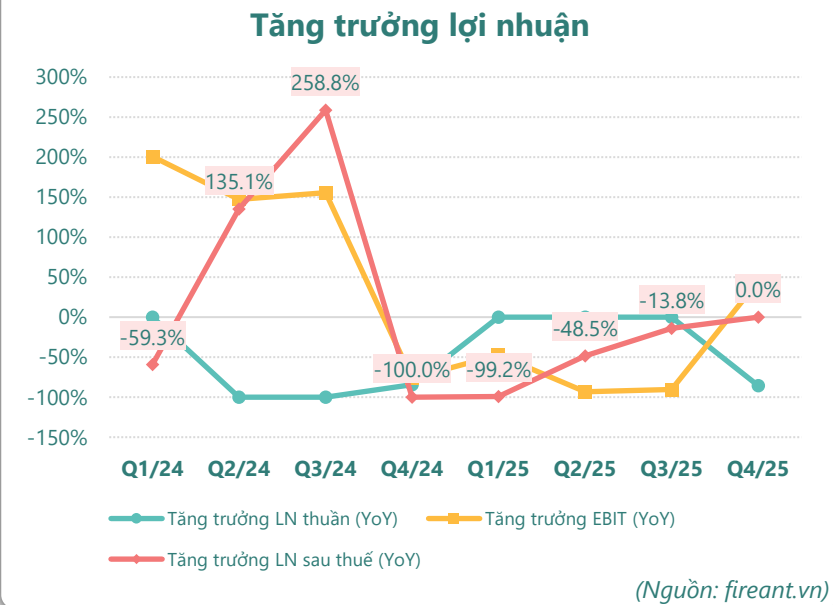
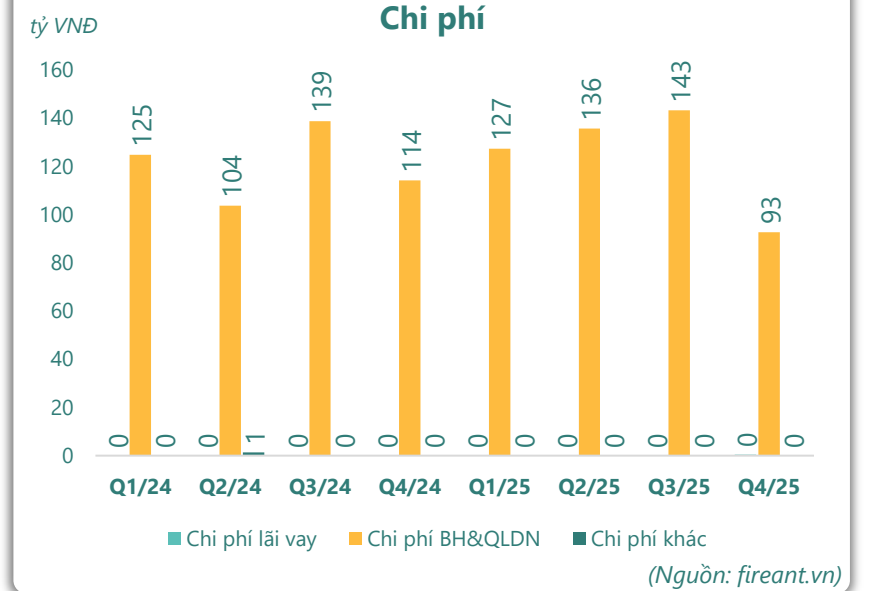
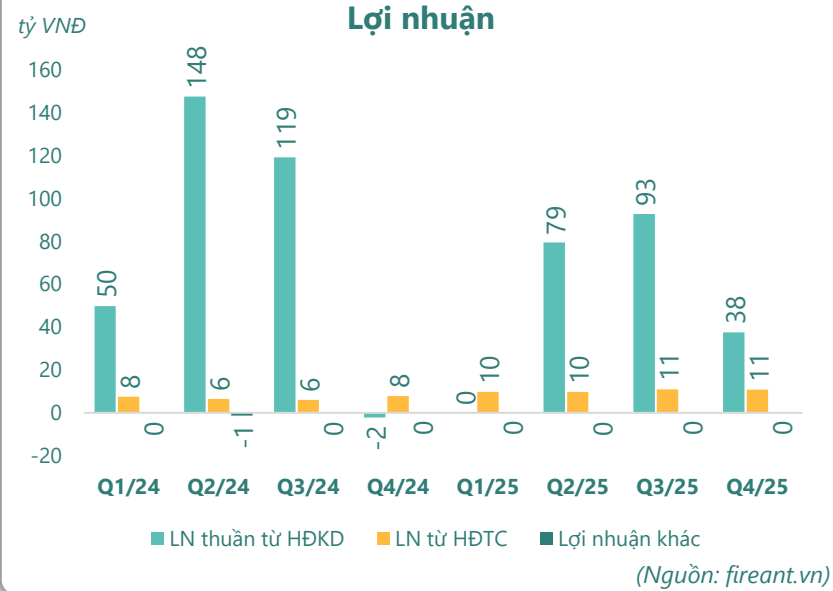
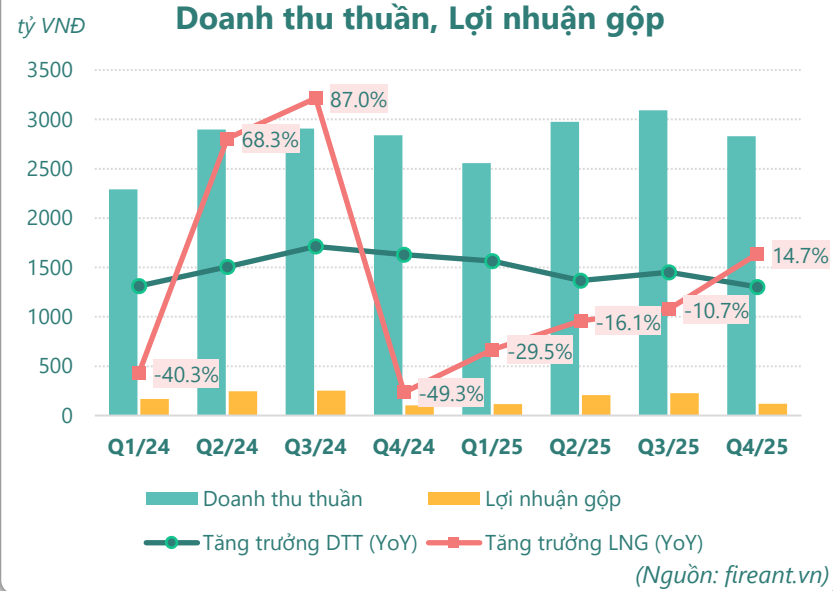
DT thuần	2025
11,453	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 515 4.7%	

LN thuần	2025
210	tỷ VNĐ
YoY: ▼104 -33.2%	

LN sau thuế	2025
168	tỷ VNĐ
YoY: ▼81.0 -32.4%	



KẾT QUẢ KINH DOANH

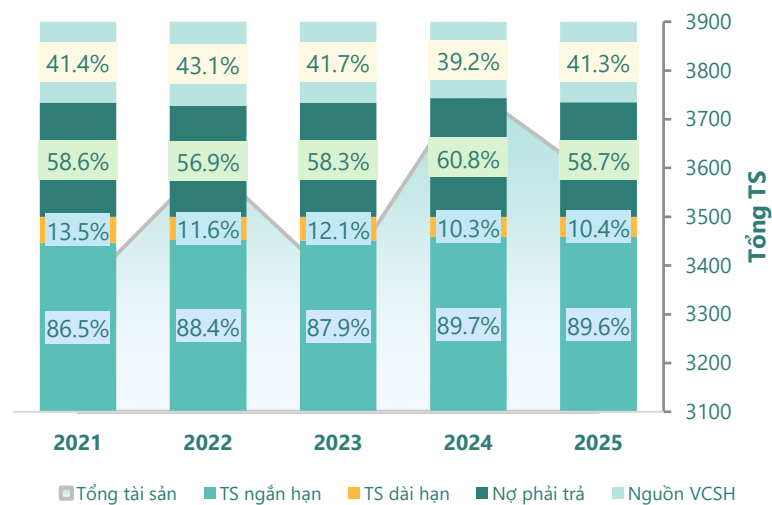




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

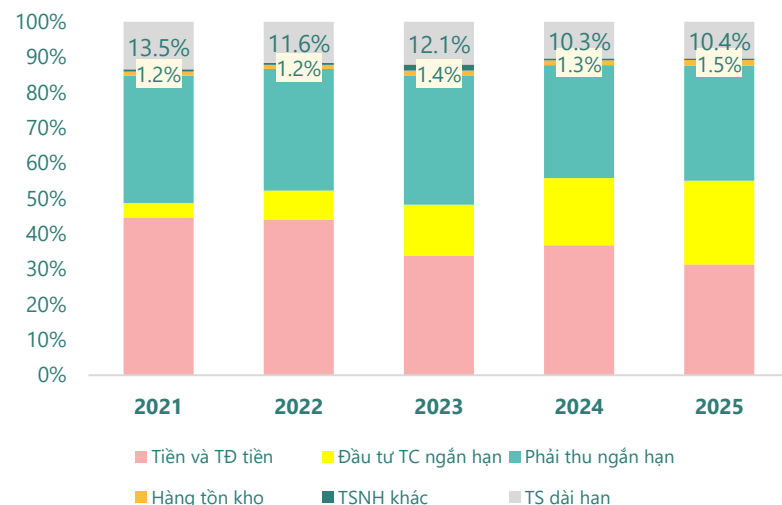
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

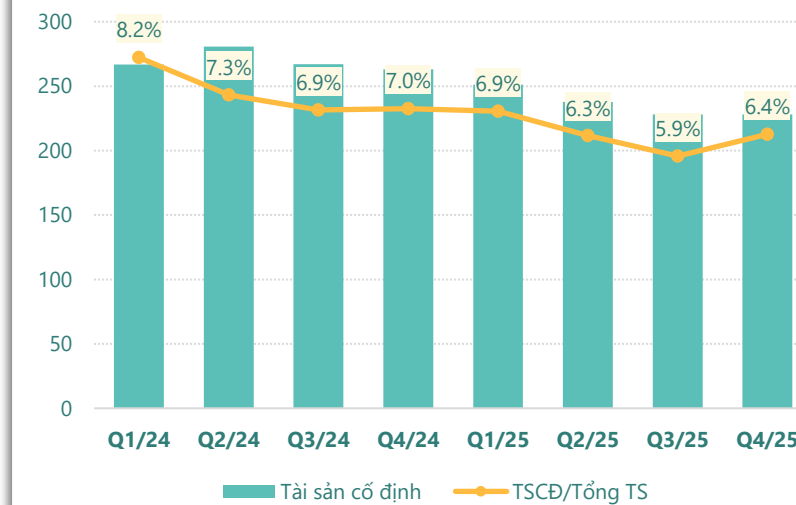
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

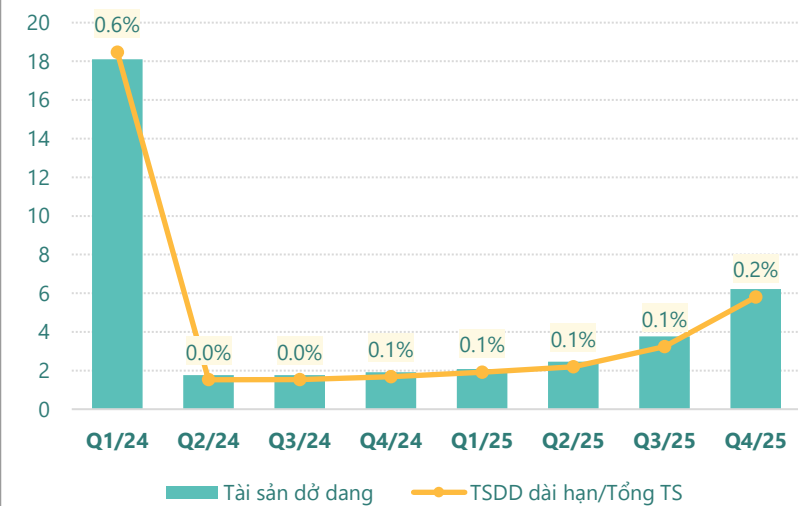
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

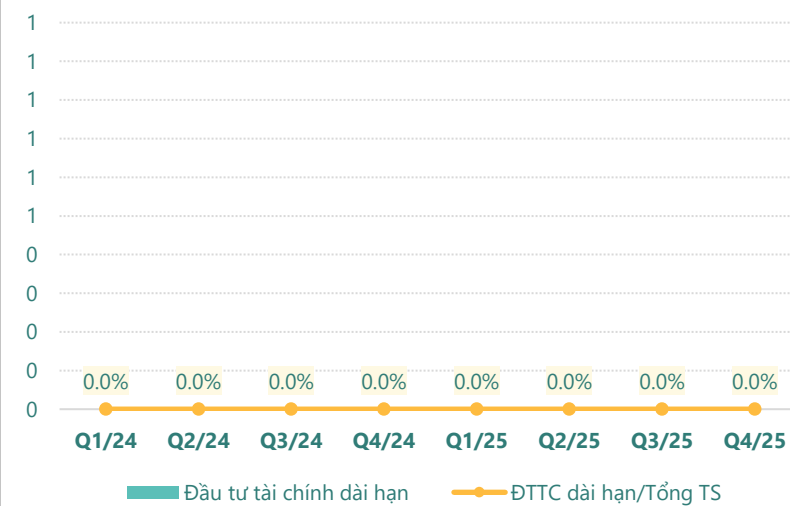
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

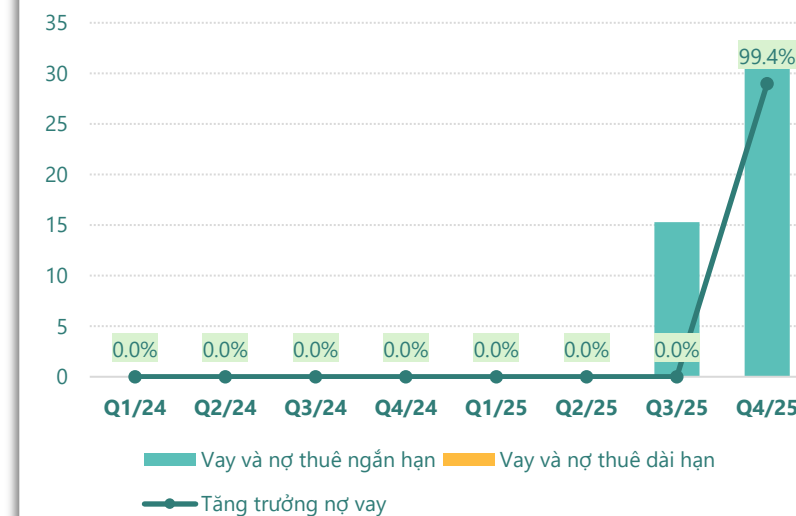
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

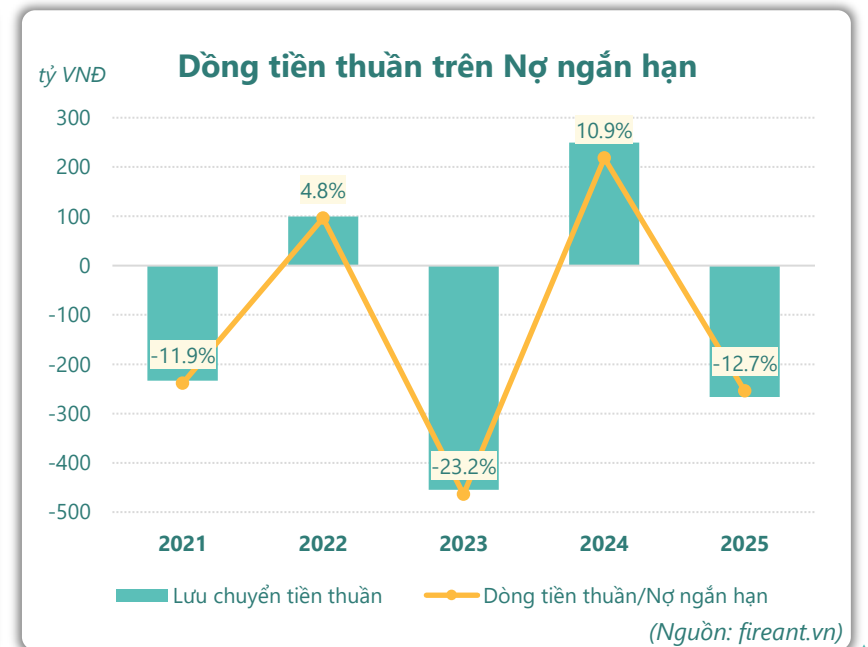
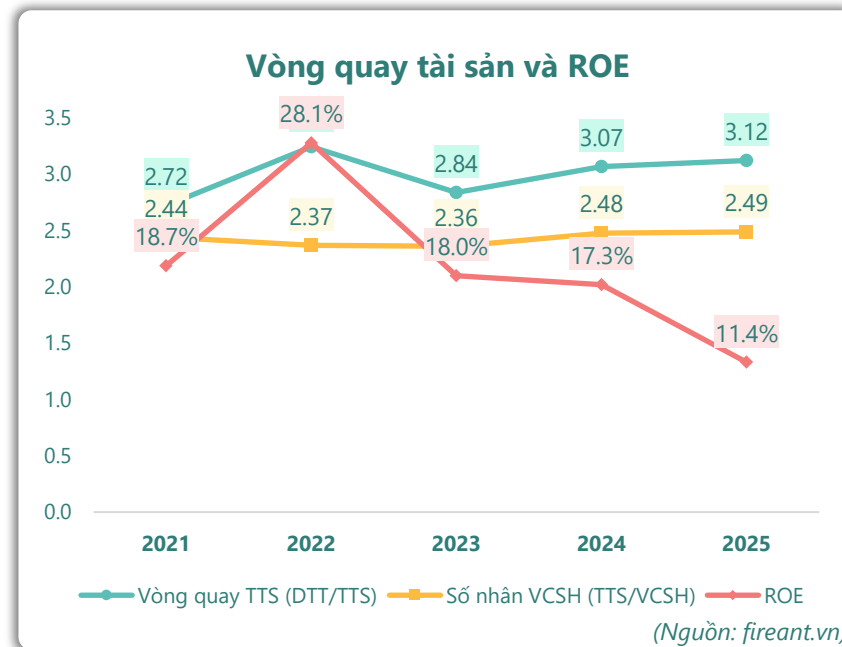
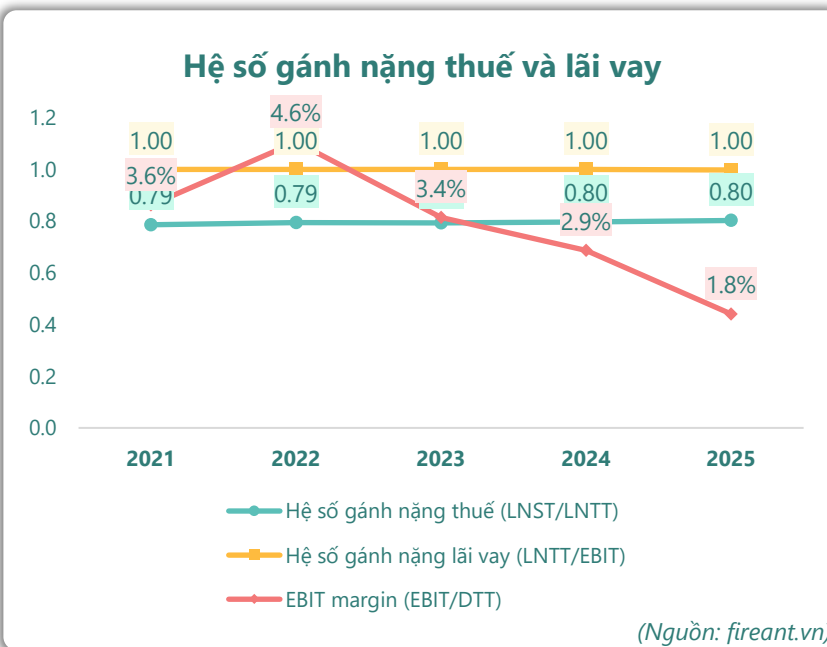
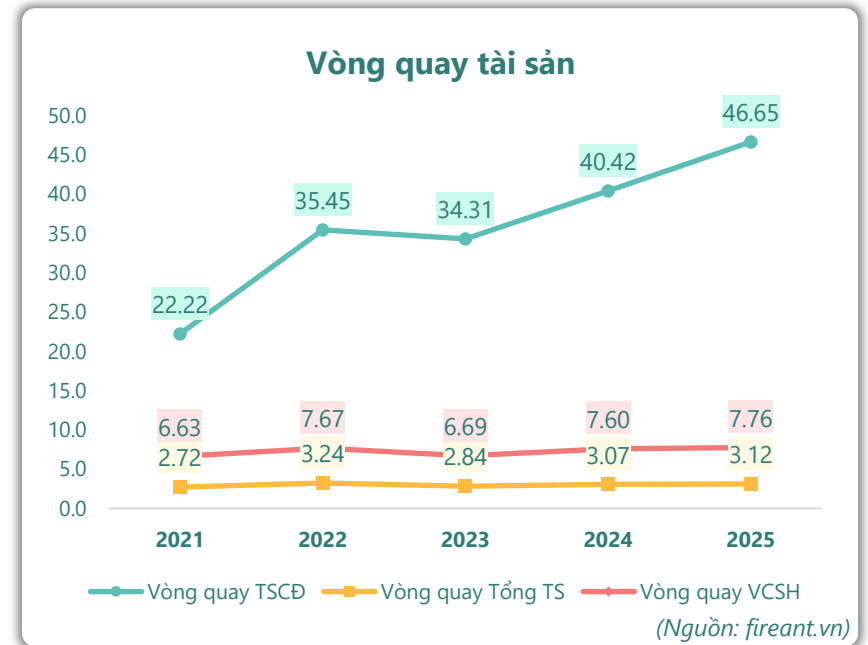
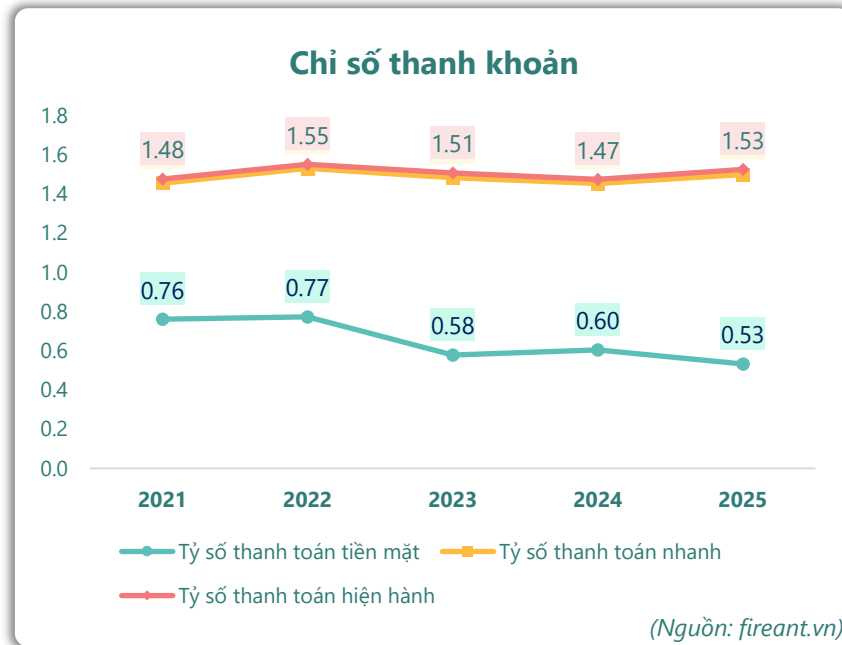
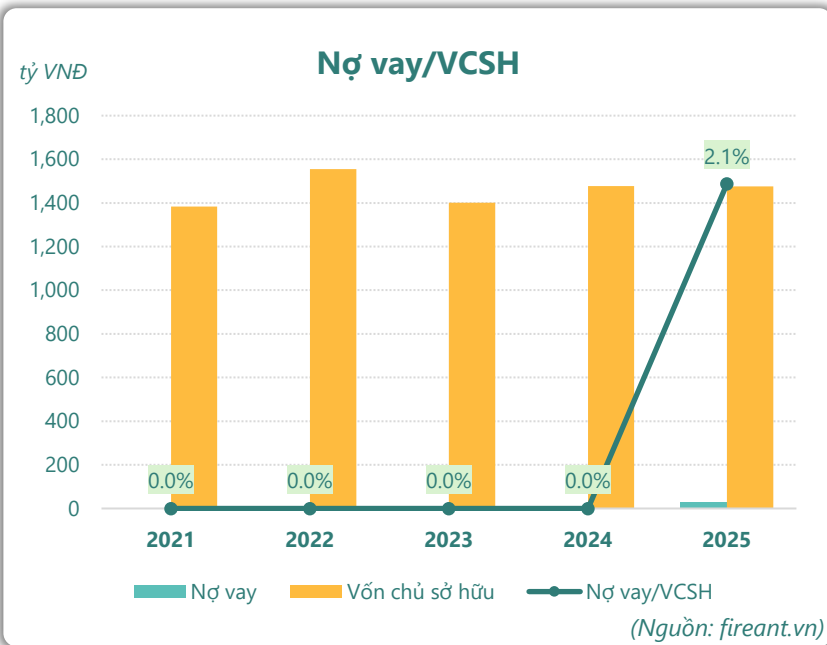
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2,829	2,840	-0.4%	11,453	10,938	4.7%
Giá vốn hàng bán	2,709	2,736	-1.0%	10,785	10,170	6.1%
Lợi nhuận gộp	119	104	14.9%	668	768	-13.1%
Doanh thu HĐTC	11.2	8.60	30.0%	42.8	31.1	37.9%
Chi phí TC	0.38	0.73	-47.4%	1.69	3.24	-47.7%
Chi phí lãi vay	0.38	0.00		0.46	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	71.1	87.8	-19.0%	408	386	5.7%
Chi phí QLDN	21.6	26.4	-18.2%	91.3	96.0	-4.9%
LN thuần từ HĐKD	37.6	-2.20	1808%	210	314	-33.2%
Lợi nhuận khác	-0.03	-0.01	-232%	-0.16	-1.48	89.4%
LN trước thuế	37.5	-2.21	1799%	210	313	-32.9%
Lợi nhuận sau thuế	29.8	-2.21	1449%	168	249	-32.4%
LNST của CĐ cty mẹ	29.8	-2.21	1449%	168	249	-32.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	23.1	176	-259	164	134	-88.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-77.2	-237	4.25	14.6	2.66	-121
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-148	0	0	15.3	-133
Tiền đầu kỳ	1,648	1,594	1,385	1,131	1,310	1,461
Lưu chuyển tiền thuần	-54.2	-209	-254	179	152	-343
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1,594	1,385	1,131	1,310	1,461	1,118

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,575	3,768	-5.1%
Tài sản ngắn hạn	3,203	3,378	-5.2%
Tiền và tương đương tiền	1,118	1,385	-19.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	848	718	18.1%
Phải thu ngắn hạn	1,166	1,204	-3.2%
Hàng tồn kho	55.0	48.6	13.2%
Tài sản ngắn hạn khác	16.1	22.8	-29.6%
Tài sản dài hạn	372	390	-4.7%
Phải thu dài hạn	17.7	3.45	414%
Tài sản cố định	228	263	-13.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.22	1.91	226%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	120	122	-1.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,099	2,291	-8.4%
Nợ ngắn hạn	2,099	2,291	-8.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	30.5	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1,012	2,012	-49.7%
Nợ dài hạn	0.09	0.09	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,475	1,478	-0.1%
Vốn chủ sở hữu	1,475	1,478	-0.1%
Vốn điều lệ	990	990	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

